

GIẤY VÀ CACTÔNG

Phương pháp xác định độ chịu gấp

Метод определения
сопротивления излому

Method for the determina-
tion of folding strength

TCVN
1866 — 76

Có hiệu lực
từ 1-4-1977

1. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định số lần chịu gấp của giấy và cactông.

Việc áp dụng tiêu chuẩn phải được nêu trong các văn bản kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn áp dụng cho từng sản phẩm giấy hoặc cactông.

2. Nguyên tắc

Phương pháp dựa trên cơ sở xác định số lần chịu gấp (180°) của hai mặt tờ giấy.

3. Dụng cụ

Dao xén giấy hoặc kéo

Máy đo độ chịu gấp loại có lực kéo của lò xo 1,3 kG dùng cho cactông, loại 1,0 kG dùng cho giấy thường, loại 0,5 kG dùng cho giấy cuốn thuốc lá hoặc poluya. Tốc độ gấp kép của máy $100 \div 125$ lần trong một phút.

4. Chuẩn bị mẫu

Cắt mẫu giấy hoặc cactông có chiều dài 100 mm, chiều rộng $15 \pm 0,1$ mm. Cho mẫu vừa chuẩn bị vào bình điều hòa độ ẩm có độ ẩm $65 \pm 5\%$, nhiệt độ $25 \pm 5^\circ\text{C}$ và để theo thời gian quy định ít nhất với từng loại như sau :

Giấy thường : 12 giờ ;

Cactông : 24 giờ.

Sau thời gian đó mới đem ra thử.

5. Tiến hành thử

Quay hai nút ngang để điều chỉnh máy về vị trí ban đầu (về số không). Mở vít cặp và đặt băng mẫu cần thử vào đó, kẹp chặt lại.

Kéo căng lò sơ ra phía ngoài cho đến khi nút hãm đứng vào vị trí độ, gạt hộp đếm vào hoạt động và mở máy.

Băng giấy bị gấp đi gấp lại cho đến khi đứt. Khi băng mẫu bị đứt, hộp đếm tự động ngắt. Sau đó, tiến hành đọc kết quả trên hộp đếm số.

6. Tính kết quả

Phải đo ít nhất 8 băng mẫu ngang, 8 băng mẫu dọc. Kết quả là trung bình cộng của các kết quả thu được riêng số lần gấp kép dọc và số lần kép ngang.
